

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **29** /2025/DS-ST
Ngày: 25 - 8 - 2025
V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thái

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

Ông Nguyễn Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thái Trâm Anh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Dương Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 36/2025/TLST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2025 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2025/QĐXXST-DS ngày 21/7/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2025/QĐST-DS ngày 08/8/2025, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Công ty T2**; trụ sở: Tầng A, tháp B, khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà cao tầng tại lô đất 1-13 thuộc khu chức năng số A - số A đường T, phường A, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Chun Young I, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Hoàng Văn Đ, bà Nguyễn Ngọc A, bà Lê Thị Thảo N, bà Đỗ Thị Thùy T, ông Trần Hoàng H - Địa chỉ liên hệ: số H đường N, phường H, thành phố Đà Nẵng (theo Giấy uỷ quyền số 048/2024/GUQ – TGD ngày 04/10/2024; Giấy uỷ quyền số 53 của công ty T2, Văn bản uỷ quyền số 32 ngày 13/12/2024 của Công ty L1). *Bà Ngọc A có mặt*

* Bị đơn: Ông **Hoàng Minh T1**, sinh năm 1996; địa chỉ: K đường M, phường H, thành phố Đà Nẵng. *Ông T1 vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Công ty T2 và người đại diện trình bày:*

Ngày 24 tháng 8 năm 2020, Công ty T2 (viết tắt là Công ty T2) và ông Hoàng Minh T1 đã ký kết Hợp đồng cho vay số 100355729 và L trả nợ. Theo đó Công ty T2 đã cho ông T1 vay số tiền 40.000.000đồng, lãi suất 37%/năm, mục đích vay để mua phương tiện đi lại, loại hình vay không có tài sản đảm bảo, thanh toán nợ gốc và lãi cụ thể theo lịch trả nợ hàng tháng. Tuy nhiên ông T1 chỉ thanh toán được đến tháng 12 năm 2020 thì dừng việc thanh toán cho đến nay dù công ty đã yêu cầu và nhắc nhở nhiều lần.

Tại phiên tòa, Công ty T2 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Hoàng Minh T1 phải thanh toán cho công ty tổng số tiền tính đến ngày 25/8/2025 là 123.505.057đồng, trong đó nợ gốc 36.711.898đồng, lãi trong hạn 21.548.897đồng, lãi quá hạn 65.244.262đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 26/8/2025 cho đến khi ông T1 thanh toán xong khoản nợ theo mức lãi suất hai bên đã thỏa thuận tại hợp đồng.

** Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa xét xử, bị đơn là ông Hoàng Minh T1 vắng mặt và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

** Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng tại phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn là ông Hoàng Minh T1 không có ý kiến và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên đã vi phạm quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 280, 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T2 về việc buộc ông Hoàng Minh T1 trả số tiền tổng cộng là 123.505.057đồng và buộc ông T1 có nghĩa vụ thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 26/8/2025 cho đến khi trả xong nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*** Về thủ tục tố tụng:**

[1] Thời điểm thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu (cũ) xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt”. Căn cứ vào hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nay Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

[2] Bị đơn có địa chỉ cư trú tại phường H, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng theo khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tòa án đã triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng tại phiên tòa lần thứ hai đối với bị đơn là ông Hoàng Minh T1 nhưng ông T1 vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

*** Về nội dung:**

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc và lãi thì thấy:

Hợp đồng cho vay số 100355729 và L trả nợ cùng ngày 24 tháng 8 năm 2022 ký kết giữa Công ty T2 và ông Hoàng Minh T1 đã tuân thủ các quy định của pháp luật nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia giao dịch có quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng ký kết. Quá trình giải quyết vụ án, ông T1 không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của Công ty T2. Căn cứ vào Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ các tài liệu, chứng cứ do Công ty T2 cung cấp có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Sau khi được Công ty T2 cho vay số tiền 40.000.000đồng, cho đến nay ông Hoàng Minh T1 chỉ thanh toán được 4 phân kỳ trong số 36 phân kỳ trả nợ nên ông T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định tại Hợp đồng cho vay, Lịch trả nợ mà các bên ký kết và quy định của Điều 280 Bộ luật Dân sự, khoản 15 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng. Xét mức lãi suất mà ngân hàng đã áp dụng hoàn toàn phù hợp thỏa thuận của các bên và quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng cần chấp nhận. Do vậy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, cần buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 123.505.057đồng; trong đó nợ gốc 36.711.898đồng, lãi trong hạn 21.548.897đồng, lãi quá hạn 65.244.262đồng; bị đơn tiếp tục chịu lãi phát sinh kể từ ngày 26/8/2025 cho đến thanh toán xong nợ theo mức lãi suất hai bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 100355729 ngày 24 tháng 8 năm 2020.

[2] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[3] Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; số tiền án phí cụ thể được xác định như sau: $123.505.057 \text{ đồng} \times 5\% = 6.175.253 \text{ đồng}$. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 227, 235, 266, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 280, 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T2 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với ông Hoàng Minh T1.

Buộc ông Hoàng Minh T1 trả cho Công ty T2 số tiền 123.505.057 đồng (Một trăm hai mươi ba triệu, năm trăm lẻ năm ngàn, không trăm năm mươi bảy đồng); trong đó nợ gốc 36.711.898 đồng (Ba mươi sáu triệu, bảy trăm mười một ngàn, tám trăm chín mươi tám đồng), lãi trong hạn 21.548.897 đồng (Hai mươi một triệu, năm trăm bốn mươi tám ngàn, tám trăm chín mươi bảy đồng), lãi quá hạn 65.244.262 đồng (Sáu mươi lăm triệu, hai trăm bốn mươi bốn ngàn, hai trăm sáu mươi hai đồng).

Ông Hoàng Minh T1 tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh kể từ ngày 26 tháng 8 năm 2025 theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 100355729 ngày 24 tháng 8 năm 2020.

2. Ông Hoàng Minh T1 phải chịu 6.175.253 đồng (Sáu triệu, một trăm bảy mươi lăm ngàn, hai trăm năm mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty T2 số tiền tạm ứng án phí 2.815.498 đồng (Hai triệu, tám trăm mười lăm ngàn, bốn trăm chín mươi tám đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0007415 ngày 26/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự quận Liên Chiểu (cũ).

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND Khu vực 4;
- Cục THADS Đà Nẵng;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

DƯƠNG THỊ THÁI